

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại Tờ trình số 399/TTr-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành quy định phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Phó Chánh Văn phòng(NLN)
Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TC, NLN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy



QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và vị trí điểm giao nhận
sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2019/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định phân cấp quản lý và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được đưa vào khai thác, sử dụng;

b) Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác; việc tổ chức quản lý, vận hành do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định trên cơ sở vận dụng hướng dẫn của Quy định này và các hướng dẫn khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, sử dụng có hiệu quả;

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. Công trình thủy lợi đầu mối là công trình thủy lợi ở vị trí khởi đầu của hệ thống tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, điều tiết nước hoặc công trình ở vị trí cuối của hệ thống tiêu, thoát nước.

3. Kênh là công trình có chức năng chuyển tải nước phục vụ tưới tiêu, sinh hoạt và sản xuất.

4. Thủy lợi nội đồng là công trình kênh, mương, rạch, đường ống dẫn nước tưới, tiêu nước trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

5. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ và được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

6. Khai thác công trình thủy lợi là việc khai thác, sử dụng tiềm năng và lợi thế của công trình thủy lợi để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

7. Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là sản phẩm, dịch vụ được tạo ra do khai thác công trình thủy lợi.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp và xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi

1. Tùy theo quy mô, năng lực, mức độ phức tạp về kỹ thuật và vị trí của công trình để phân cấp cho các cấp chịu trách nhiệm quản lý (tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, xã, phường và thị trấn).

2. Công trình do cấp nào quản lý thì cấp đó trực tiếp tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ và đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Bảo đảm tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính. Đồng thời bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do các cá nhân, tổ chức gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

4. Cấp công trình thủy lợi xác định theo nguyên tắc được quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi bao gồm: Công trình thủy lợi đầu mối và hệ thống kênh từ công trình thủy lợi đầu mối đến điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý các công trình kênh mương nội đồng thuộc hệ thống công trình thủy lợi do Ủy ban nhân

dân tỉnh quản lý kể từ sau điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý các công trình được phân cấp.

✓ Điều 5. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình với tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế bằng 0,5 ha.

3. Vị trí giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

a) Đối với công trình thủy lợi mà kênh nhánh phụ trách tưới có diện tích bằng 0,5 ha trở xuống thì điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi ngay đầu kênh nhánh đó.

b) Đối với công trình thủy lợi hệ thống kênh có nhiều cấp kênh thì điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của công trình thủy lợi được tính từ vị trí cống đầu kênh cấp II trong hệ thống kênh dẫn của công trình thủy lợi.

Hệ thống kênh được phân cấp như sau: Kênh chính là kênh dẫn nước từ công trình thủy lợi đầu mối phân phối nước cho các kênh cấp I; Kênh cấp I là kênh dẫn nước từ kênh chính phân phối nước cho kênh nhánh cấp II; Kênh cấp II là kênh dẫn nước từ kênh cấp I phân phối nước cho kênh nhánh cấp III; Kênh cấp III là kênh dẫn nước từ kênh cấp II phân phối nước cho kênh nhánh cấp IV.

c) Trường hợp không xác định được vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ cụ thể thì tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thỏa thuận điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công trình thủy lợi được phân cấp cho cấp tỉnh quản lý; Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn.

2. Căn cứ vào các tiêu chí và điều kiện cụ thể từng thời điểm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục công trình và diện tích tưới, tiêu cấp nước của các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi, phương án bảo vệ công trình, phương án ứng phó thiên tai, kiểm định an toàn đập cho công trình cấp tỉnh quản lý.

4. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Thủy lợi.

Điều 7. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ.

a) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi với mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.

c) Thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh mục các dự án về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trình chủ trương để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các đơn vị được giao quản lý các công trình thủy lợi theo quy định.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố.

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý Nhà nước về công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi ở cơ sở phù hợp quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi để tiếp nhận việc khai thác, sử dụng các công trình được phân cấp trên địa bàn.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 57 Luật Thủy lợi.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy